

Số: 164 /BC-UBND

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm và
biện pháp quản lý, điều hành ngân sách 6 tháng cuối năm 2021**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng
khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ nhất

**I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU
NĂM 2021**

1. Về thu ngân sách (Biểu số 01)

a) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: Ước thực hiện 6 tháng đầu năm là 11.387.611 triệu đồng, đạt 52,3% dự toán giao, cụ thể như sau:

- Thu nội địa: Ước thực hiện là 8.842.448 triệu đồng, đạt 48,6% dự toán; gồm:
 - + Thu nội địa (không kể tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết) là 8.088.753 triệu đồng, đạt 54,92% dự toán.
 - + Thu tiền sử dụng đất là 658.163 triệu đồng, đạt 19,94% dự toán.
 - + Thu từ hoạt động XSKT là 95.532 triệu đồng, đạt 57,9% dự toán
- Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu: Ước thực hiện là 2.541.743 triệu đồng, đạt 71,6% dự toán.
- Thu từ huy động đóng góp: 2.918 triệu đồng.
- Thu viện trợ: 502 triệu đồng.

b) Thu cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm thu chuyển giao giữa các cấp ngân sách địa phương): Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2021 là 15.182.592 triệu đồng, trong đó:

- Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp là 6.172.168 triệu đồng, đạt 47,21% so với dự toán, gồm:
 - + Thu 100% và thu phân chia: 5.417.971 triệu đồng.
 - + Thu tiền sử dụng đất: 658.163 triệu đồng.
 - + Thu từ hoạt động XSKT: 95.532 triệu đồng.
 - + Thu viện trợ: 502 triệu đồng.
- Thu trung ương bổ sung có mục tiêu: 893.374 triệu đồng.
- Thu kết dư: 46.716 triệu đồng.
- Thu chuyển nguồn: 8.070.334 triệu đồng.

2. Về chi ngân sách (Biểu số 02)

Tổng chi ngân sách địa phương (không bao gồm chi chuyển giao giữa các cấp ngân sách) ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2021 là 10.762.351 triệu đồng, đạt 61,18% dự toán, cụ thể một số lĩnh vực chi như sau:

a) Chi đầu tư phát triển: Ước thực hiện 7.339.974 triệu đồng, trong đó:

- Số giải ngân XDCB là 7.238.974 triệu đồng, gồm:

+ Số giải ngân XDCB theo dự toán là 2.894.000 triệu đồng, đạt 29,41% dự toán HĐND thành phố và đạt 31,41% kế hoạch (không kể dự nguồn chưa phân bổ cho các dự án).

+ Số giải ngân XDCB năm trước chuyển sang là 4.344.974 triệu đồng.

- Chi ủy thác vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội và các quỹ tài chính ngoài ngân sách là 100.000 triệu đồng, đạt 100% dự toán.

- Chi đầu tư phát triển khác: 1.000 triệu đồng.

b) Chi trả lãi do Chính quyền địa phương vay 1.557 triệu đồng, đạt 50,23% dự toán.

c) Chi thường xuyên: Ước thực hiện 3.419.000 triệu đồng, đạt 46,53% dự toán, trong đó:

- Chi quốc phòng 115.000 triệu đồng, đạt 55,76% dự toán.

- Chi an ninh 77.000 triệu đồng, đạt 47,86% dự toán.

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo 950.000 triệu đồng, đạt 47,66% dự toán.

- Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ 28.000 triệu đồng, đạt 54,38% dự toán.

- Chi sự nghiệp y tế, dân số, gia đình 280.000 triệu đồng, đạt 44,82% dự toán.

- Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin 80.000 triệu đồng, đạt 51,54% dự toán.

- Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình 15.000 triệu đồng, đạt 54,29% dự toán.

- Chi sự nghiệp thể dục thể thao 58.000 triệu đồng, đạt 39,37% dự toán.

- Chi sự nghiệp môi trường 120.000 triệu đồng, đạt 32,71% dự toán.

- Chi sự nghiệp kinh tế 370.000 triệu đồng, đạt 30,13% dự toán.

- Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể 776.000 triệu đồng, đạt 60,65% dự toán

- Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội 270.000 triệu đồng, đạt 48,87% dự toán.

- Chi khác ngân sách 280.000 triệu đồng, đạt 50,55% dự toán.

d) Bổ sung quỹ dự trữ tài chính 1.820 triệu đồng.

3. Tình hình sử dụng kinh phí dự phòng ngân sách địa phương 2021

Từ đầu năm 2021 đến nay, đã sử dụng từ nguồn dự phòng là 124.815 triệu đồng, trong đó:

a) Dự phòng ngân sách thành phố: Tổng nguồn dự phòng là 594.723 triệu đồng (gồm: Dự toán năm 2021 là 185.355 triệu đồng; số dư nguồn dự phòng các năm trước còn lại là 409.368 triệu đồng); đã chi 100.833 triệu đồng, còn lại 493.890 triệu đồng.

b) Dự phòng ngân sách các quận, huyện: tổng nguồn là 63.526 triệu đồng, đã chi 23.982 triệu đồng, còn lại 39.544 triệu đồng.

4. Đánh giá về tình hình thực hiện dự toán thu, chi

a) Về thu ngân sách

Ước thu nội địa không kể tiền sử dụng đất 6 tháng đầu năm 2021 đạt khá so với dự toán và tăng so với cùng kỳ; tuy nhiên, tỷ lệ tăng so với cùng kỳ không cao, nguyên nhân do thực hiện chính sách gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất năm 2021 theo Nghị định số 52/2021/NĐ-CP của Chính phủ và dịch bệnh Covid-19 tái bùng phát đã làm giảm thu nội địa trong tháng 5 và tháng 6 năm 2021.

- Yếu tố tác động làm tăng thu nội địa:

+ Trong 04 tháng đầu năm 2021, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh dần ổn định và có tăng trưởng sau đại dịch Covid-19; doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của 03 khu vực kinh tế (Doanh nghiệp Nhà nước, Đầu tư nước ngoài, Ngoài quốc doanh) ước đạt 240.377 tỷ đồng, tăng 35.530 tỷ đồng so với cùng kỳ, số thuế phát sinh phải nộp là 5.196,8 tỷ đồng, tăng 96 tỷ đồng so với cùng kỳ; một số doanh nghiệp trọng điểm đã dần hồi phục và có số thuế phát sinh phải nộp tăng so với cùng kỳ (Tổng công ty điện lực Miền Trung phát sinh 110 tỷ đồng, tăng 40 tỷ đồng; Công ty TNHH thuốc lá Đà Nẵng phát sinh 100 tỷ đồng, tăng 46 tỷ đồng; Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng phát sinh 45 tỷ đồng, tăng 17 tỷ đồng; Công ty TNHH MTV điện lực Đà Nẵng phát sinh 42 tỷ đồng, tăng 31 tỷ đồng; Công ty Cổ phần Địa Cầu phát sinh 111 tỷ đồng, tăng 90 tỷ đồng; Công ty TNHH ống thép Hòa Phát Đà Nẵng phát sinh 68 tỷ đồng, tăng 30 tỷ đồng; Công ty Cổ phần đô thị FPT Đà Nẵng phát sinh 61 tỷ đồng, tăng 39 tỷ đồng; Công ty Cổ phần dịch vụ Cáp treo Bà Nà phát sinh 60 tỷ đồng, tăng 35 tỷ đồng).

+ Thị trường bất động sản dần được khôi phục, số lượng hồ sơ giao dịch bất động sản trong những tháng đầu năm 2021 là 14.390 hồ sơ, tăng 7.352 hồ sơ so với cùng kỳ, đã tác động làm tăng thu thuế thu nhập cá nhân và lệ phí trước bạ liên quan đến hoạt động chuyển nhượng bất động sản (Thuế thu nhập cá nhân ước đạt 73% dự toán, tăng 13,3% so với cùng kỳ; Lệ phí trước bạ ước đạt 78,5% dự toán, tăng 44,5% so với cùng kỳ).

- Yếu tố tác động làm giảm thu nội địa:

+ Về gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất theo Nghị định số 52/2021/NĐ-CP của Chính phủ: Dự kiến số thuế và tiền thuê đất được gia hạn trong 6 tháng đầu năm 2021 là 245 tỷ đồng.

+ Ảnh hưởng giảm thu do dịch Covid-19: Dịch bệnh Covid-19 tái bùng phát vào cuối tháng 4 và đang còn diễn biến phức tạp đã tác động làm giảm thu nội địa

tháng 5 và tháng 6 năm 2021; cụ thể số ước giảm thu do dịch bệnh Covid-19 khoảng 210 tỷ đồng.

+ Về tình hình nợ đọng thuế: Do tác động từ dịch bệnh Covid-19, nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn về tài chính nên để nợ đọng thuế kéo dài, một số doanh nghiệp phát sinh khoản nợ đọng thuế mới đã tác động làm giảm thu nội địa trong 6 tháng đầu năm 2021.

- Đánh giá tình hình thu nội địa khối quận, huyện: Thu nội địa khối quận, huyện ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2021 đạt khá so với dự toán và so với cùng kỳ; hầu hết các lĩnh vực thu, sắc thuế thuộc khối quận, huyện quản lý đều tăng so với cùng kỳ (Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh tăng 20%; thuế thu nhập cá nhân tăng 82%; lệ phí trước bạ tăng 52,5%; thuế phi nông nghiệp tăng 53,8%; thu khác ngân sách tăng 20,9%); nguyên nhân ngoài các yếu tố tác động làm tăng thu như trên, các Chi cục Thuế khu vực, quận đã triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp quản lý thu theo chỉ đạo của ngành; đồng thời, có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, công tác hỗ trợ, phối hợp của các cơ quan, ban ngành trên địa bàn quận, huyện trong việc triển khai nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước trong 6 tháng đầu năm 2021.

Dự kiến nếu dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát vào cuối quý II và đầu quý III năm 2021 thì khả năng thu nội địa năm 2021 là 19.182,4 tỷ đồng, đạt 109% dự toán Trung ương và 105,4% dự toán HĐND thành phố giao, bằng 98,4% so với cùng kỳ; nếu không kể tiền sử dụng đất thì thu nội địa có khả năng đạt 15.844,2 tỷ đồng, đạt 106,4% dự toán được giao, bằng 101,5% so với cùng kỳ.

b) Về chi ngân sách

Điều hành chi ngân sách theo dự toán được giao, đảm bảo sử dụng ngân sách tiết kiệm, đúng chế độ quy định; chủ động nguồn chi đầu tư xây dựng cơ bản các công trình quan trọng, trọng điểm của thành phố; các nhiệm vụ chi thường xuyên được đảm bảo theo đúng dự toán; giảm kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết; chủ động sắp xếp chi thường xuyên, ưu tiên các nhiệm vụ quan trọng; bảo đảm nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ cấp bách phòng chống và hỗ trợ khó khăn cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, các chính sách an sinh xã hội, trật tự an toàn xã hội.

II. BIỆN PHÁP QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2021

Các Sở, ban ngành và địa phương tiếp tục tập trung thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn trong sản xuất, bảo đảm an sinh xã hội, thúc đẩy đầu tư tại các Nghị quyết của Chính phủ, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, các kết luận, thông báo của Thành ủy và Nghị quyết của HĐND thành phố, trong đó cần thực hiện tốt các biện pháp quản lý, điều hành ngân sách chủ yếu sau:

1. Về thu ngân sách nhà nước

Các cơ quan quản lý thu, UBND huyện Hòa Vang bám sát tình hình thực tế, chủ động có giải pháp phù hợp, phấn đấu cao nhất để thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước; trong đó tập trung vào các nhiệm vụ và giải pháp sau:

a) Tập trung chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh và kê khai nộp thuế đối với tất cả người nộp thuế trên địa bàn, nhất là người nộp thuế mới phát sinh, doanh nghiệp trọng điểm... để kịp thời phát hiện các khoản thu phát sinh mới, khoản thu người nộp thuế chưa kê khai nộp hoặc kê khai không đúng quy định... để đôn đốc thu nộp kịp thời vào ngân sách nhà nước. Thường xuyên theo dõi, đánh giá sát tình hình thu ngân sách trên bàn theo từng lĩnh vực thu, sắc thuế; phân tích, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng tăng, giảm thu; từ đó tham mưu các giải pháp thu phù hợp theo từng địa bàn, từng lĩnh vực thu, sắc thuế nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách năm 2021.

b) Chỉ đạo toàn ngành triển khai thực hiện Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ngày 19/4/2021 của Chính phủ về gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2021; đảm bảo mọi người dân và doanh nghiệp được thụ hưởng đầy đủ chính sách hỗ trợ của Nhà nước nhằm khắc phục khó khăn ứng phó với dịch bệnh Covid-19.

c) Tập trung chỉ đạo công tác quản lý, đôn đốc thu nợ đọng thuế, bao gồm cả tiền thuế và tiền thuê đất được gia hạn đến hạn nộp. Áp dụng linh hoạt các biện pháp thu nợ và cưỡng chế nợ thuế theo quy định, chống các hiện tượng chây ì nộp thuế, định kỳ công khai các tổ chức cá nhân nợ thuế lớn. Phân đấu giảm tỷ lệ nợ đọng thuế theo chỉ tiêu Tổng cục Thuế giao và đôn đốc người nộp thuế nộp đầy đủ tiền thuế và tiền thuê đất hết thời hạn gia hạn vào ngân sách nhà nước nhằm tăng thu ngân sách, góp phần đạt chỉ tiêu thu nội địa được giao. Tiếp tục triển khai thực hiện khoan nợ tiền thuế, xóa nợ tiền chậm nộp theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội.

d) Chỉ đạo áp dụng biện pháp thanh tra, kiểm tra thuế phù hợp trong điều kiện dịch bệnh Covid-19 còn diễn biến phức tạp để triển khai thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra chống thất thu thuế đối với một số ngành nghề, lĩnh vực có rủi ro cao về thuế như: kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng công nghệ số, chuyên nhượng vốn, giao dịch liên kết...; phân đấu tăng thu qua công tác thanh tra, kiểm tra nhằm góp phần hoàn thành nhiệm vụ thu cả năm 2021.

đ) Về thu tiền sử dụng đất

- Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường khẩn trương tổ chức đấu giá các lô đất theo chủ trương của UBND thành phố, xử lý thu hồi các kiến nghị về thu tiền sử dụng đất theo kiến nghị của Thanh tra Chính phủ.

- Sở Xây dựng, UBND các quận, huyện đẩy mạnh việc thẩm định, phê duyệt quy hoạch theo đúng quy định; phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc tháo gỡ các vướng mắc liên quan đến thông tin về thông số quy hoạch, thông tin về hệ số sử dụng đất đối với các phê duyệt quy hoạch trước đây để làm cơ sở xác định giá đất.

- Hội đồng thẩm định giá đất tăng cường các cuộc họp thẩm định giá đất và sớm có văn bản kết luận để Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Văn phòng UBND thành phố kịp thời tổng hợp báo cáo UBND thành phố tại cuộc họp giao

ban gần nhất để phương án giá đất sớm được bổ sung, hoàn chỉnh và phê duyệt làm cơ sở tổ chức đấu giá.

e) Đối với công tác quản lý tài sản công: Để khai thác, sử dụng hiệu quả các cơ sở nhà, đất, trong đó có việc sắp xếp xử lý các cơ sở nhà đất, nhà công sản, công sở góp phần tăng nguồn thu cho ngân sách; đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường khẩn trương trình UBND thành phố phê duyệt phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai tích hợp vào quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2025 theo quy hoạch chung của thành phố. Sau khi UBND thành phố phê duyệt, giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng sớm có ý kiến về quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được UBND thành phố phê duyệt gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND thành phố xem xét, phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý đối với các cơ sở nhà, đất thuộc thành phố quản lý theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ về sắp xếp lại, xử lý tài sản công.

2. Về chi ngân sách

a) Các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân quận huyện

- Đối với chi đầu tư phát triển

+ Đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện, hoàn thành các dự án đầu tư công và thực hiện đồng bộ các giải pháp để giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công đã đề ra; thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện các dự án, công trình và tiến độ thực hiện hợp đồng đảm bảo việc thực hiện dự án đúng thời gian được phê duyệt và thực hiện hợp đồng đúng quy định; phải kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định điều chỉnh kế hoạch vốn đã được bố trí để chuyển vốn cho những dự án có tiến độ triển khai nhanh, có khả năng hoàn thành trong năm 2021 nhưng chưa được bố trí đủ vốn; Chủ động rà soát và kịp thời báo cáo các khó khăn, vướng mắc, đề xuất hướng xử lý đến các cơ quan có thẩm quyền để kịp thời tháo gỡ, nhất là công tác đền bù giải tỏa.

+ Hội đồng giải phóng mặt bằng các quận, huyện tập trung đẩy nhanh tiến độ đền bù giải tỏa đảm bảo tiến độ theo Quyết định số 476/QĐ-UBND; phối hợp chặt chẽ với các chủ đầu tư, đơn vị quản lý để có kế hoạch đền bù giải tỏa bàn giao mặt bằng phù hợp với tiến độ thi công của nhà thầu.

+ Thực hiện thu hồi vốn tạm ứng theo quy định; rà soát các dự án có số vốn thanh toán thừa sau quyết toán dự án hoàn thành, thu hồi, nộp vào ngân sách nhà nước; đồng thời khi thanh toán vốn cho công trình, phải thực hiện thu hồi tạm ứng quá hạn và hoàn trả vào ngân sách. Khẩn trương nộp hồ sơ quyết toán các công trình theo quy định và đề xuất các biện pháp nhằm chấn chỉnh công tác quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

+ Đối với số thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết và các nguồn thu khác gắn với nhiệm vụ chi cụ thể, trường hợp dự kiến giảm thu so với dự toán, đồng thời ngân sách địa phương không thể bù đắp từ các khoản tăng thu khác thì phải chủ động rà soát, cắt giảm hoặc giãn tiến độ thực hiện các công trình, dự án được bố trí từ nguồn thu này.

+ Việc tạm ứng, nghiệm thu, thanh toán khối lượng hoàn thành cần phải được giám sát, chấn chỉnh thường xuyên để không xảy ra sai phạm, đặc biệt là tạm ứng vốn nhưng không tổ chức thực hiện, nghiệm thu không đúng thời điểm, nghiệm thu khối lượng không đạt chất lượng...

+ Tăng cường trách nhiệm của chủ đầu tư và các cơ quan có liên quan trong quá trình quản lý dự án, quản lý tiến độ hợp đồng, quyết toán dự án hoàn thành, giám sát và đánh giá hiệu quả đầu tư công. Trường hợp thực hiện các công tác này không đầy đủ, kịp thời, chất lượng không đảm bảo thì có biện pháp xử lý, chế tài như giảm trừ một phần chi phí quản lý dự án, xem xét không giao chủ đầu tư, quản lý các dự án tương tự.

- Chi thường xuyên

+ Tăng cường quản lý chi ngân sách nhà nước, có trách nhiệm thường xuyên theo dõi diễn biến tiến độ thu ngân sách nhà nước, điều hành chi ngân sách trong phạm vi dự toán được duyệt, đảm bảo tiết kiệm, chặt chẽ và hiệu quả. Thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên khác còn lại năm 2021 của các cơ quan, đơn vị; rà soát, cắt giảm, giãn các nhiệm vụ chi chưa cần thiết, các khoản chi mua sắm trang thiết bị, hạn chế chi hội nghị, hội thảo để đảm bảo cân đối ngân sách, dành nguồn lực phòng chống dịch và các nhiệm vụ quan trọng cấp bách, trong đó cắt giảm tối thiểu 50% kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước còn lại của các cơ quan, đơn vị và địa phương theo Công văn số 6299/BTC-NSNN ngày 11/6/2021 của Bộ Tài chính.

+ Rà soát, sắp xếp và phân loại các nhiệm vụ chi theo thứ tự ưu tiên và thực hiện chi trong phạm vi nguồn thu được hưởng theo phân cấp và dự toán được giao, đúng tiêu chuẩn, chế độ, định mức chi tiêu đã quy định; ưu tiên các nhiệm vụ quan trọng; bảo đảm nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ cấp bách phòng chống, hỗ trợ khó khăn cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, các chính sách an sinh xã hội; không phê duyệt các đề án, chính sách mới làm tăng chi ngân sách, không bổ sung ngoài dự toán trừ nhiệm vụ phòng chống, hỗ trợ khó khăn do dịch Covid-19 và nhiệm vụ có tính cấp bách không thể trì hoãn phát sinh đột xuất.

+ Tăng cường trách nhiệm của Thủ trưởng các đơn vị dự toán, chủ tài khoản và chính quyền các cấp trong việc sử dụng ngân sách nhà nước; thực hiện có hiệu quả chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng và công khai minh bạch tài chính - ngân sách.

b) Từ ngày 01/7/2021, UBND quận, phường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị dự toán ngân sách theo Nghị quyết 119/2020/QH14 của Quốc hội và Nghị định số 34/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết 119/2020/QH14; do đó Chủ tịch UBND các quận tập trung chỉ đạo các cơ quan chuyên môn và các phường trực thuộc lập dự toán thu, chi của đơn vị dự toán ngân sách (gồm cả dự toán của cơ quan, đơn vị và phường trực thuộc); trong đó lưu ý định mức phân bổ dự toán chi phải đảm bảo đầy đủ, đúng chế độ chính sách quy định hiện hành đối với đơn vị dự toán quận, phường; điều hành, tổ chức thực hiện chi ngân sách trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

c) Cơ quan tài chính và Kho bạc Nhà nước các cấp tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát chi ngân sách nhà nước, đảm bảo chi đúng tiêu chuẩn, chế độ, định mức theo quy định và khả năng nguồn thu ngân sách. Thực hiện chi đầu tư phát triển, chi các khoản tiền lương, các khoản có tính chất lương, chi chế độ, chính sách cho con người, an sinh xã hội và các khoản chi cấp thiết bắt buộc phải chi cho công tác phòng chống dịch COVID-19 theo dự toán.

Trên đây là tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm và biện pháp quản lý, điều hành ngân sách 6 tháng cuối năm 2021, UBND thành phố kính báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố./.

Nơi nhận: *th*

- HĐND thành phố Khóa X;
- TT HĐND thành phố;
- Các Ban của HĐND thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- BCS Đảng UBND thành phố;
- CT, các PCT và các Ủy viên UBND TP;
- Sở KH&ĐT, Sở TC, Cục thuế, Cục Hải quan, KBNN Đà Nẵng;
- VP UBND TP;
- Lưu: VT, KT.

10 + 65

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

K. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Kỳ Minh

ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NSNN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số 164/BC-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2021 của UBND TP Đà Nẵng)



DVT: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	Năm 2021			So sánh (%)	
		Dự toán 2021	Thực hiện đến 04/6/2021	UTH 6 tháng đầu năm 2021	Thực hiện/Dự toán	UTH 6 tháng/dự toán
1	2	3	4	5	6=4/3	7=5/3
A	TỔNG CÁC KHOẢN THU NSNN	21.772.532	10.124.977	11.387.611	46,50	52,30
I	Thu Nội địa	18.192.800	7.828.179	8.842.448	43,03	48,60
	* Thu nội địa (không kể tiền sử dụng đất)	14.892.800	7.261.860	8.184.285	48,76	54,95
	* Thu nội địa (không kể tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết)	14.727.800	7.176.328	8.088.753	48,73	54,92
1	Thu DNNN TW	1.200.000	625.053	659.891	52,09	54,99
	- Thuế TNDN	365.000	236.941	244.140	64,92	66,89
	- Thuế Tài nguyên	3.000	924	1.399	30,80	46,63
	- Thuế GTGT	722.000	287.997	303.162	39,89	41,99
	- Thuế TTĐB	110.000	99.191	111.190	90,17	101,08
2	Thu DNNN địa phương	200.000	89.546	95.254	44,77	47,63
	- Thuế TNDN	75.400	28.910	30.405	38,34	40,32
	- Thuế Tài nguyên	4.590	1.586	2.086	34,55	45,45
	- Thuế GTGT	120.000	59.050	62.763	49,21	52,30
	- Thuế TTĐB	10	0	0	0,00	0,00
3	Thu DN có vốn đầu tư nước ngoài	3.600.000	1.632.406	1.860.764	45,34	51,69
	- Thuế TNDN	599.000	271.085	285.846	45,26	47,72
	- Thuế Tài nguyên	1.000	221	271	22,10	27,10
	- Thuế GTGT	650.000	228.237	266.784	35,11	41,04
	- Thuế TTĐB	2.350.000	1.132.863	1.307.863	48,21	55,65
4	Thuế ngoài quốc doanh	4.000.000	1.881.620	2.130.098	47,04	53,25
	- Thuế TNDN	1.434.000	663.476	778.326	46,27	54,28
	- Thuế Tài nguyên	28.000	15.130	16.130	54,04	57,61
	- Thuế GTGT	2.500.000	1.192.760	1.324.407	47,71	52,98
	- Thuế TTĐB	38.000	10.254	11.235	26,98	29,57
5	Thuế thu nhập cá nhân	1.600.000	1.074.163	1.167.840	67,14	72,99
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		0	0		
7	Tiền sử dụng đất	3.300.000	566.319	658.163	17,16	19,94
8	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	80.000	52.881	58.137	66,10	72,67
9	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	535.000	365.384	391.097	68,30	73,10
10	Tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc SHNN	65.000	1.606	21.195	2,47	32,61
11	Thuế bảo vệ môi trường	1.820.000	726.252	856.062	39,90	47,04
	- Thu từ hàng hóa nhập khẩu (TW hưởng 100%)	1.143.000	456.083	537.607	39,90	47,03
	- Thu từ hàng hóa trong nước (phân chia NSTW và NSDP)	677.000	270.169	318.455	39,91	47,04
12	Lệ phí trước bạ	590.000	401.719	463.074	68,09	78,49

(Handwritten signature)

TT	NỘI DUNG	Năm 2021			So sánh (%)	
		Dự toán 2021	Thực hiện đến 04/6/2021	UTH 6 tháng đầu năm 2021	Thực hiện/Dự toán	UTH 6 tháng/dự toán
1	2	3	4	5	6=4/3	7=5/3
13	Thu phí, lệ phí	371.800	149.084	167.966	40,10	45,18
a	Thu do cơ quan nhà nước trung ương thực hiện thu	208.800	63.333	82.215	30,33	39,38
b	Thu do cơ quan nhà nước địa phương thực hiện thu	163.000	85.751	85.751	52,61	52,61
14	Thu khác ngân sách	620.000	169.644	204.305	27,36	32,95
	- Thu khác Ngân sách trung ương	200.000	54.594	65.905	27,30	32,95
	- Thu khác Ngân sách địa phương	420.000	115.050	138.400	27,39	32,95
15	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác	1.000	314	415	31,40	41,49
16	Thu tiền CQ khai thác khoáng sản, tài nguyên nước	5.000	6.656	7.656	133,12	153,12
17	Thu cổ tức, lợi nhuận được chia và lợi nhuận còn lại của doanh nghiệp địa phương	40.000	0	5.000	0,00	12,50
18	Thu từ hoạt động SXKT	165.000	85.532	95.532	51,84	57,90
II	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	3.550.000	2.293.378	2.541.743	64,60	71,60
III	Thu từ huy động đóng góp	0	2.918	2.918		
IV	Thu viện trợ	29.732	502	502	1,69	1,69
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	17.233.138	13.878.865	15.182.592	80,54	88,10
I	Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp	13.073.801	5.479.958	6.172.168	41,92	47,21
1	Các khoản thu 100% và phân chia	9.579.069	4.827.605	5.417.971	50,40	56,56
	- Các khoản thu 100%	1.935.590	1.050.140	1.193.528	54,25	61,66
	- Các khoản thu phân chia	7.643.479	3.777.465	4.224.443	49,42	55,27
2	Thu tiền sử dụng đất	3.300.000	566.319	658.163	17,16	19,94
3	Thu từ hoạt động SXKT	165.000	85.532	95.532	51,84	57,90
4	Thu viện trợ	29.732	502	502	1,69	1,69
II	Thu chuyển nguồn	2.236.916	7.458.817	8.070.334	333,44	360,78
III	Thu kết dư		46.716	46.716		
IV	Thu bổ sung từ NSTW	1.922.421	893.374	893.374	46,47	46,47
1	Bổ sung cân đối		0			
2	Bổ sung có mục tiêu	1.922.421	893.374	893.374	46,47	46,47
	Trong đó: - Từ nguồn trong nước	1.452.421	879.784	879.784	60,57	60,57
	- Từ nguồn ngoài nước	470.000	13.590	13.590	2,89	2,89

Ghi chú: Số thu không bao gồm số tạm thu 200.000 triệu đồng và thu chuyển giao giữa các cấp ngân sách địa phương

**ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021**

(Kèm theo Báo cáo số 164/BC-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2021 của UBND TP Đà Nẵng)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán HĐND giao	Thực hiện đến 04/6/2021	Ước thực hiện 6 tháng	So sánh	
					TH/DT HĐND	UTH 6T/DT HĐND
1	2	3	4	5	6=4/3	7=5/3
	TỔNG CỘNG	17.590.938	9.193.292	10.762.351	52,26	61,18
A	Chi cân đối ngân sách địa phương	17.590.938	9.193.292	10.762.351	52,26	61,18
I	Chi đầu tư phát triển	9.989.322	6.095.168	7.339.974	61,02	73,48
1	Chi xây dựng cơ bản	9.839.322	5.994.168	7.238.974	60,92	73,57
1.1	Chi XDCB theo dự toán	9.839.322	1.649.194	2.894.000	16,76	29,41
-	Vốn trong nước	9.369.322	1.579.621	2.800.000	16,86	29,88
-	Vốn ngoài nước	470.000	69.573	94.000	14,80	20,00
1.2	Chi XDCB từ nguồn năm trước chuyển sang (bao gồm cả tạm ứng hạn mức vốn năm 2020 chuyển sang)	0	4.344.974	4.344.974		
-	Vốn trong nước		4.043.780	4.043.780		
-	Vốn ngoài nước		301.194	301.194		
2	Chi ủy thác vốn cho NH CSXH và các quỹ tài chính ngoài ngân sách	100.000	100.000	100.000	100,00	100,00
3	Chi đầu tư phát triển khác	50.000	1.000	1.000	2,00	2,00
II	Chi trả lãi do chính quyền địa phương vay	3.100	1.557	1.557	50,23	50,23
III	Chi thường xuyên	7.347.815	3.094.747	3.419.000	42,12	46,53
1.1	Chi quốc phòng	206.225	99.184	115.000	48,10	55,76
1.2	Chi an ninh	160.873	66.585	77.000	41,39	47,86
1.3	Sự nghiệp GD - ĐT và dạy nghề	1.993.449	925.902	950.000	46,45	47,66
1.4	Sự nghiệp khoa học công nghệ	51.488	24.310	28.000	47,21	54,38
1.5	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	624.725	204.622	280.000	32,75	44,82
1.6	Sự nghiệp văn hóa thông tin	155.211	76.677	80.000	49,40	51,54
1.7	Sự nghiệp phát thanh truyền hình	27.627	13.269	15.000	48,03	54,29
1.8	Sự nghiệp thể dục thể thao	147.330	49.820	58.000	33,82	39,37
1.9	Sự nghiệp môi trường	366.844	93.339	120.000	25,44	32,71
1.10	Sự nghiệp kinh tế	1.228.212	311.732	370.000	25,38	30,13
1.11	Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.279.479	716.420	776.000	55,99	60,65
1.12	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	552.458	243.281	270.000	44,04	48,87
1.13	Chi khác ngân sách	553.894	269.606	280.000	48,67	50,55
IV	Chi viện trợ (*)					
V	Bổ sung Quỹ dự trữ tài chính	1.820	1.820	1.820	100,00	100,00
VI	Dự phòng ngân sách (*)	248.881				
VII	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương					
B	Chi chương trình mục tiêu					

Ghi chú: (*) Số thực hiện của các nguồn này ở các lĩnh vực chi, việc tách ra để phản ánh tiến độ thực hiện.
Số chi không bao gồm số tạm chi chưa đưa vào cân đối NSNN là 133.164 triệu đồng